

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14 /2021/HNGĐ-ST

Ngày 04/02/2021

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân;

2. Ông Từ Anh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tô Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Ngọc Vương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 827/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982; thường trú: Số nhà 90, đường D5, KDC DV T, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982; thường trú: Số nhà 90, đường D5, KDC DV T, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 09 năm 2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T sau thời gian tìm hiểu nhau thì tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bồi Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An vào ngày 31 tháng 5 năm 2011, Giấy chứng nhận kết hôn số 27/2011, quyển số 01/2011. Sau kết hôn hai vợ chồng về sống chung tại số nhà 90, đường D5, KDC DV T, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Thời gian đầu sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng

quan điểm trong lối sống và sinh hoạt, anh T không quan tâm đến gia đình nên cuộc sống gia đình trở nên căng thẳng.

Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thảo L, sinh ngày 16/01/2012. Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thảo L, không yêu cầu anh Nguyễn Văn T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình tố tụng, bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện do nguyên đơn cung cấp và yêu cầu anh Nguyễn Văn T có ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H nhưng anh Nguyễn Văn T không có ý kiến gì. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 17/12/2020 nhưng anh T vắng mặt không có lý do; đồng thời cũng không có ý kiến và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì thể hiện việc đồng ý hay không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của chị H.

- Ngày 27/11/2020 Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T tại Hội Liên hiệp phụ nữ phường Tân Bình và được cung cấp như sau: Chị Nguyễn Thị H không phải là hội viên hội phụ nữ phường. Trước khi khởi kiện ly hôn tại Tòa án, chị H không có yêu cầu địa phương tổ chức hòa giải cơ sở. Hội Liên hiệp phụ nữ phường Tân Bình cũng không có tiếp nhận thông tin cung cấp từ đại diện khu phố cũng như người dân phản ánh. Vì vậy, Hội Liên hiệp phụ nữ phường Tân Bình không rõ nguyên nhân mâu thuẫn và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T. Đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án theo quy định.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật về tố tụng dân sự, nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn, nuôi con với anh Nguyễn Văn T. Anh T cư trú tại Số nhà 90, đường D5, KDC

DV T, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, nên đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương được quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Anh Nguyễn Văn T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa ngày 04/02/2021 nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ theo Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 31 tháng 5 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã Bồi Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, Giấy chứng nhận kết hôn số 27/2011, quyển số 01/2011, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Thời gian đầu sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Nay chị H yêu cầu được ly hôn với anh T với lý do quá trình chung sống anh T và chị không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi nhau do bất đồng về quan điểm sống, lối sống. Vào năm 2016 chị H cũng đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố D giải quyết ly hôn với anh T, sau thời gian đoàn tụ vợ chồng anh chị vẫn không tìm thấy tiếng nói chung nên chị H tiếp tục yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T. Về phía anh Nguyễn Văn T, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập anh T đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh không có mặt và cũng không có bất kỳ ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn, điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị H yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thảo L, sinh ngày 16/01/2012. Cháu Nguyễn Thảo L từ trước tới nay sinh sống với mẹ, quá trình chị H nuôi dưỡng cháu L vẫn đảm bảo phát triển tốt về mọi mặt và cũng theo nguyện vọng của cháu L là được ở với mẹ. Vì vậy, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H về việc được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị H tự nguyện không yêu cầu anh Nguyễn Văn T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét đề nghị của chị H là hoàn toàn tự nguyện nên Tòa án ghi nhận.

[6] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An về việc giải quyết vụ án.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T (Giấy chứng nhận kết hôn số 27/2011, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân xã Bôi Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An cấp ngày 31 tháng 5 năm 2011).

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H được trực T nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thảo L, sinh ngày 16/01/2012. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị H không yêu cầu anh Nguyễn Văn T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0048696 ngày 15/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- VKSND thành phố D (1);
- CC THADS thành phố D (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án (2);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà

